

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 35/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Tròn.

2. Bà Hồ Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Th, sinh năm: 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã HH, huyện NĐ, tỉnh H; địa chỉ tạm trú: Thôn Xóm Bình, xã TQ, huyện TT, tỉnh TH. Vắng mặt (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân X, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn 4, xã HH, huyện NĐ, tỉnh H. Vắng mặt (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2018 và biên bản lời khai của đương sự, nguyên đơn chị Đinh Thị Th trình bày:

Chị Th với anh Trần Xuân Xây có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện NĐ, tỉnh H vào ngày 02/3/2011, trên cơ sở tự nguyện của hai người. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống với gia đình anh X tại xã HH, huyện NĐ,

tỉnh H cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Vào năm 2016 chị Th phát hiện anh X có quan hệ với người phụ nữ khác. Ngoài ra, trong quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung nên cũng ảnh hưởng đến đời sống chung của hai người. Do không thể tiếp tục sống với anh X, cuối năm 2016 chị Th về sinh sống với gia đình tại tỉnh Thanh Hoá cho đến nay và giữa vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Xuân X.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và các khoản nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và các khoản nợ chung nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Xuân X trình bày: Anh X với chị Đinh Thị Th có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện ND, tỉnh H vào ngày 02/3/2011, cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Anh X thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là đúng như chị Th trình bày và anh cũng chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

Về con chung, tài sản và các khoản nợ chung: Vợ chồng không có con, tài sản và các khoản nợ chung nên anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa như sau: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 266, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Th đối với anh Trần Xuân X; về con chung, tài sản và các khoản nợ chung: Chị Th và anh X cùng xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đinh Thị Th và anh Trần Xuân X đều có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Th và bị đơn anh Trần Xuân X đều vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông đề nghị xét xử vắng mặt vì nguyên đơn, bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th và anh Trần Xuân X có đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện ND, tỉnh H, hai bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do vợ chồng không có con chung nên anh X đã có quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó tình cảm của vợ chồng không có hạnh phúc, cuối năm 2016 thì vợ chồng đã sống ly thân đến nay, hai người không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th và anh X.

Về con chung: Chị Th và anh X không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và các khoản nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Th, chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Trần Xuân X.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2011/000666 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Th và anh Trần Xuân X có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Hữu;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu án văn.

Hồ Minh Thước